

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Điện lực Kon Tum tại Văn bản số 3028/KTPC-KT ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “*Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty Điện lực Kon Tum*”; Văn bản số 3199 /KTPC-KT ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc chỉnh sửa các nội dung sau thẩm định cơ sở Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty Điện lực Kon Tum và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tại Tờ trình số 132/TTr-TNMT ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án/cơ sở: “*Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty Điện lực Kon Tum*” của Công ty Điện lực Kon Tum.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Điện lực Kon Tum (địa chỉ trụ sở chính: Số 184 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty Điện lực Kon Tum với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty Điện lực Kon Tum.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 2, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số 0400101394-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 1995 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 9 năm 2021;

+ Giấy phép hoạt động điện lực số 26/GP-SCT ngày 07 tháng 7 năm 2020 do Sở Công thương tỉnh Kon Tum cấp; Số 172/GP-ĐTĐL ngày 03 tháng 6 năm 2019 do Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công thương cấp;

1.5. Mã số chi nhánh: 0400101394-011. Mã số doanh nghiệp: 0400101394

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ SXKD.

1.7. Quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Quy mô diện tích: 4.600 m².

- Loại công trình: Công trình công nghiệp, dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Diện tích xây dựng: (Nhà kho kín tập kết vật tư, có cầu trục: 470 m²; Nhà kho hở tập kết vật tư, có cầu trục: 263 m²; Nhà làm việc đội hotline: 40 m²; Nhà kho hotline: 40 m²; Nhà kho vệ sinh cách điện: 40 m²; Nhà kho vật tư: 72 m²; Nhà bảo vệ: 11,5 m²; Khu vệ sinh: 13 m²; Nhà để xe: 190 m²; Hiện trường hotline, hiện trường đào tạo, sát hạch nghề: 881 m²; Bãi tập kết vật tư: 230 m²; Tường rào và cổng ngõ: 206 m²; Giao thông nội bộ: 1120 m²; Taluy công trình: 1240 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Điện lực Kon Tum.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Điện lực Kon Tum có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm tính từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon Tum tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án/cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Điện lực Kon Tum;
- Phòng TN&MT thành phố;
- UBND Phường Ngô Mây;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nước thải sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên và công nhân cơ sở.
- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 1,0 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 02 dòng (từ 02 nhà vệ sinh).
- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Tổng Nitơ, Tổng Photpho; BOD₅; dầu mỡ động, thực vật; Coliform; Tổng chất rắn lơ lửng.
- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 1. Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ₃₋) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí: Phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tọa độ VN 2000: X = 1589496.01; Y = 552413.325.
 - + Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt và xả ngầm qua đường ống nhựa PVC.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Thẩm đất thông qua giếng thăm.

2. Nước thải khác tại cơ sở:

- Nguồn phát sinh đề nghị cấp phép: Nguồn nước rửa gồm nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt và nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác.
- Lưu lượng phát thải tối đa đề nghị cấp phép: 1,5 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng: Tại khu vực hố lắng.

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: BOD₅; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Nitrat (NO₃) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat (PO₄₃₋) (tính theo P); Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT. Cụ thể tại bảng sau:

Bảng 2. Giá trị các thông số ô nhiễm làm Cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải

TT	Thông số	QCVN 14: 2008/BTNMT	
		Đơn vị	Giá trị
1	BOD ₅	mg/l	50
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
3	Nitrat (NO ₃) (tính theo N)	mg/l	50
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
5	Phosphat (PO ₄ ₃₋) (tính theo P)	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ TN&MT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí: Tại khu vực hồ lắng của hệ thống thoát nước trong phạm vi Cơ sở thuộc Phường Ngô Mây, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt, xả ngầm;

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống nhựa PVC từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại đặt ngầm trong khu vực cơ sở. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thấm và thấm vào đất.

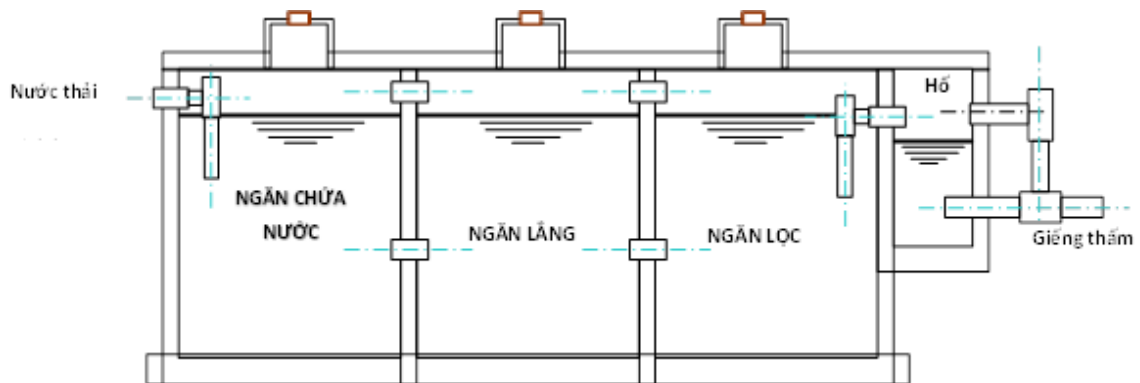
- Nước thải khác: Nước thải từ các thiết bị như Lavabo, tắm, giặt; nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác được thu gom bằng đường ống HDPE D90 hoặc DN125 về hồ thu nước thải sau đó cho xử lý bằng lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước phân tiêu: Nước thải thoát ra từ các thiết bị vệ sinh: Xí, tiêu...:

Sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC dẫn vào giếng thấm và thấm đất.

Hình 1. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.



Ghi chú:

- (1) Ngăn lắng và xử lý yếm khí.
- (2) Ngăn lắng ngang.
- (3) Ngăn xử lý hiếu khí.

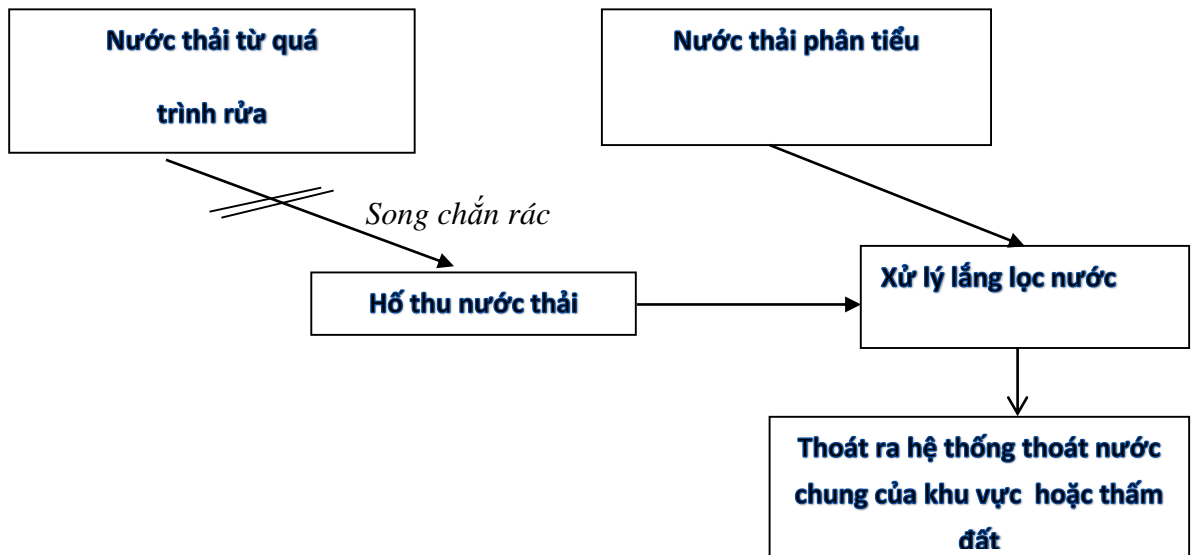
Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải bậc I đồng thời thực hiện hai chức năng: Lắng cặn và lọc trước khi qua công trình tiếp theo. Hiệu quả lắng cặn trong bể tự hoại có thể đạt được từ 40% đến 60% phụ thuộc vào nhiệt độ và chế độ quản lý, vận hành bể.

- Cặn rắn được giữ lại trong bể từ 03 đến 06 tháng, trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải sẽ được dẫn qua bể lọc, còn lượng bùn dư sau thời gian lưu khoảng 02 đến 05 năm sẽ thuê xe hút chuyên dùng hút đi. Mỗi lần lấy cặn phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện cho quá trình phân huỷ cặn. Nước thải khi đến bể lọc, sẽ được tiến hành lọc qua lớp: than củi dày 0,2m, than xỉ dày 0,2m và gạch vỡ dày 0,2m.

- Để dẫn nước thải vào và ra khỏi bể, người ta nối ống Ø140 với một đầu ống đặt dưới lớp màng nổi, đầu khác được nhô lên phía trên để tiện kiểm tra, tẩy rửa và không cho lớp cặn nổi trong bể chảy ra đường ống.

1.2.2. Nước rửa gồm nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt và nước rửa sàn; Nước phân tiểu: Là nước thải thoát ra từ các thiết bị vệ sinh: Xí, tiểu,... được thu gom bằng đường ống HDPE D90 hoặc DN125 về hố thu nước thải sau đó cho xử lý bằng lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.



Hình 1. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải khác

* Thuyết minh hệ thống thu gom nước thải

Nguồn nước thải:

- Nước thải từ quá trình lau rửa sàn, sân đường nội bộ, rửa thiết bị sinh hoạt được dẫn về hố thu nước thải. Sau đó xử lý bằng cách cho lắng lọc.
- Nước thải từ nhà vệ sinh: Được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để thu gom xử lý kỵ khí sau đó cho thấm đất.

Song chắn rác:

Nước thải từ sinh hoạt và các hoạt động khác có chứa nhiều thành phần cặn, đặc biệt là các thành phần cặn kích thước lớn. Các cặn nước thải nếu được dẫn thẳng không qua chắn rác thì sẽ phân hủy làm tăng COD và BOD trong nước thải chính vì vậy cần được tách bằng song chắn rác tinh trước khi xử lý.

Hố thu nước thải: Được xây và gia cố cẩn thận để tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đất.

Thuyết minh quy trình thu gom:

- Nước thải từ các thiết bị: Lavabo, tắm, giặt; nước lau rửa sàn và rửa các thiết bị sinh hoạt khác được thu gom bằng đường ống HDPE D90 hoặc DN125 về hố thu nước thải sau đó cho xử lý bằng lắng lọc trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ chảy theo đường ống về hệ thống bể tự hoại 3 ngăn xây dựng ngầm dưới nhà vệ sinh phía Tây Nam của Cơ sở. Kết cấu của bể tự hoại bằng bê tông xi măng. Nước thải được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sau đó cho thấm đất thông qua giếng thấm. Bùn trong bể tự hoại sẽ được hút ra và đưa đi xử lý theo quy định. Công ty Điện lực Kon Tum chịu trách nhiệm theo dõi và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện hút bùn và xử lý theo quy định.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả ra môi trường.

- Nước thải sau xử lý phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hoặc yêu cầu về bảo vệ môi trường theo từng loại nước thải trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng
năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

Bụi và khí thải phát sinh (SO_2 , NO_2 , $CO...$) tại Cơ sở chủ yếu là từ phương tiện vận chuyển vật tư, thiết bị điện ra vào khu vực, phương tiện giao thông đi lại của công nhân viên,...

Nồng độ khí thải phát sinh của các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông đi lại phụ thuộc vào nhiên liệu sử dụng và động cơ của các phương tiện. Tuy nhiên, tính chất ô nhiễm này là nguồn di động, nó chỉ mang tính chất tức thời nên nồng độ, tải lượng này không đáng kể.

Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông công ty đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Tất cả phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải đạt tiêu chuẩn của Cục đăng kiểm.
- Phương tiện giao thông khi lưu thông trong khuôn viên khu vực cơ sở phải giảm tốc độ.
- Toàn bộ khuôn viên cơ sở được bê tông hóa nhằm thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật tư, thiết bị điện đồng thời quét dọn, vệ sinh hàng ngày để giảm thiểu bụi.

2. Giảm thiểu bụi từ hoạt động nhập, xuất vật tư thiết bị

Vật tư thiết bị nhập và xuất kho tại cơ sở chủ yếu là hàng được đóng gói trong thùng carton hoặc bao bì kín nên việc vận chuyển hầu như không có bụi phát sinh từ hoạt động này. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa ô nhiễm từ hoạt động này, cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

- Khi bốc dỡ vật tư thiết bị, công nhân được trang bị khẩu trang để hạn chế bụi;
- Bố trí xe ra vào hợp lý tránh tập trung nhiều xe cùng một lúc gây gia tăng nồng độ ô nhiễm không khí;
- Trong quá trình bốc dỡ, các xe vận chuyển phải tắt máy và sau khi bốc dỡ vật tư, thiết bị xong mới được nổ máy.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

- Phương tiện giao thông vận chuyển vật tư ra vào cơ sở yêu cầu đi với tốc độ chậm, không bóp còi;
- Các phương tiện vận chuyển không nổ máy trong lúc bốc vật tư, thiết bị;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo trình trạng kỹ thuật tốt nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển;
- Bốc dỡ nguyên vật liệu và thành phẩm nhẹ nhàng, không để phát sinh tiếng ồn lớn.
- Thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý để tránh ùn tắc giao thông và ảnh hưởng lối đi lại của người dân.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày..... tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

a. *Khối lượng:* 1.901,0 kg/tháng và 22.813,7 kg/năm.

b. *Chủng loại:* Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải; Ấc quy chì thải; Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại); Các thiết bị thải bỏ có CFC; Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải; Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; Các loại khác.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- *Khối lượng:* 10.000 kg/năm.

- *Chủng loại:* Sứ cách điện các loại (*chuỗi sứ thủy tinh, sứ polyme, sứ gốm*); thùng công tơ; chống sét van; Các loại liên quan khác.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- *Khối lượng:* 04 kg/ngày.

- *Chủng loại:* Rác sinh hoạt gồm chất thải hữu cơ dễ phân hủy như: Thức ăn thừa, vỏ trái cây,... Và các chất vô cơ như: Hộp đựng thức ăn, bao bì, giấy ăn, lon, chai đựng nước giải khát,..., Rác sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và các loại liên quan khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. *Khu vực lưu giữ CTNH:*

- Diện tích khu vực lưu giữ CTNH: 38,5 m² (*ngang 5m, rộng 7,7 m*).

- Quy cách, kết cấu: Mặt sàn đổ bê tông đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại;

- Thiết kế: Khu vực lưu giữ CTNH dạng lồng được xây gờ và hồ thu gom

đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

- Trang bị khác tại khu vực lưu giữ CTNH: Được trang bị các dụng cụ, thiết bị, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; Trang bị vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

b. Thiết bị lưu giữ CTNH: Được trang bị biện pháp phân cách để các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau. Chi tiết như sau:

- Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải: Được phân vùng và lưu giữ riêng, có hồ thu gom đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn, bảo đảm lưu giữ an toàn về bảo vệ môi trường.

- Đối với nhóm CTNH: Ác quy thải: Được phân vùng và lưu giữ trên giá sắt, kệ nhựa, bảo đảm lưu giữ an toàn về bảo vệ môi trường.

- Đối với nhóm CTNH: Các thiết bị, linh kiện điện tử thải: Được phân vùng và lưu giữ trên giá sắt, đảm bảo an toàn về bảo vệ môi trường.

- Đối với nhóm CTNH: Các thiết bị thải bỏ có CFC: Được phân vùng và lưu giữ riêng, bảo đảm lưu giữ an toàn về bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra, khi phát sinh thêm khối lượng chất thải nguy hại, chủ cơ sở có thể trang bị thêm các thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại với dung tích lớn hơn 02 m³ và được đặt ngoài trời; thiết bị sẽ được thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn theo đúng quy định tại điểm a, khoản 6, điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, đảm bảo lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng; Bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường; Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường trong nhà có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; Mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường ngoài trời có bờ bao, hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn trong quá trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có cao độ nền bảo

đảm không bị ngập lụt; nền bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, đủ độ bền chịu được tải trọng của phương tiện vận chuyển và lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu giữ.

2.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Hàng ngày chất thải rắn sinh hoạt được bỏ vào các thùng rác, định kỳ nhân viên vệ sinh vận chuyển về điểm tập kết rác của cơ sở để và chuyên giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy, dung tích 60 lít và 120 lít dọc đường nội bộ; tại khu vực văn phòng bố trí 01 thùng rác dung tích 60 lít, sau đó đưa về khu vực lưu giữ để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Kon Tum để thu gom rác thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại, hệ thống thu gom, thoát nước thải;

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải nguy hại;

- Thực hiện các biện pháp về an toàn lao động.
